

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 50/TTr-SYT ngày 24 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2016, Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018, Quyết định số 4729/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 21 tháng 06 năm 2021, Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2023, Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 11 tháng 03 năm 2024, Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 02 tháng 08 năm 2024, Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Sở Y tế, Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Y tế, Sở Nội vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Y tế, Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- Phòng Hành chính – Quản trị;
- Lưu: VT, CCKS^(TN).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (17 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế									
1. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội									
1	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật 1.001806.000.00.00.H08	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010. - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
2	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế 2.000062.000.00.00.	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	H08		Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định			thực hiện		2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
3	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế 2.000135.000.00.00. H08	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế 2.000056.000.00.00. H08	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn,	Có	Toàn trình	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			tỉnh Bình Định			thực hiện		2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp 2.000051.000.00.00. H08	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
6	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội 1.012991.000.00.00. H08	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
7	Cấp lại giấy chứng	5 ngày làm	Trung tâm	Có	Một	- Trình tự	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội 1.012992.000.00.00. H08	việc	Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định		phần	thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện		CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
8	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài 1.012993.000.00.00. H08	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
9	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội 1.012990.000.00.00. H08	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về công tác xã hội. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định					2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
2. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội									
10	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân 2.000025.000.00.00. H08	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
11	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân 2000027.000.00.00. H08	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	-
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân 2.000032.000.00.00. H08	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Lao động - Thương binh và Xã hội.	
13	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân 2.000036.000.00.00. H08	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	-
14	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân 1.000091.000.00.00. H08	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			Định					- Thông tư số 35/2013/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh, huyện									
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội									
15	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000286.000.00.00. H08	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; 27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp huyện	- Bộ phận Một cửa cấp xã - Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	Cấp xã, cấp huyện, Sở Y tế
16	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Cơ sở trợ giúp xã hội	- Bộ phận một cửa cấp	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000282.000.00.00. H08	có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định	huyện - Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh			- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện		Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
17	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 2.000477.000.00.00. H08	7 ngày làm việc	- Bộ phận một cửa cấp huyện - Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
	Tổng số: 17 TTHC								

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC			
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế				
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
1	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội 2.000141.000.00.00.H08	Một phần	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (13 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (12 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế									
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội									
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng	20 Ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ	Không	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21	Cấp xã, cấp

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng 1.001776.000.00.00. H08					pháp lý - Cơ quan thực hiện		tháng 12 năm 2022 của Chính phủ. - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	huyện
2	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 1.001758.000.00.00. H08	06 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của	Cấp xã, cấp huyện

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ.	
3	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.001753.000.00.00. H08	08 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	Cấp xã, cấp huyện
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội 1.001731.000.00.00. H08	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của	Cấp xã, cấp huyện

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ.	
5	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc 2.000777.000.00.00. H08	02 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Toàn trình	- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	Cấp xã, cấp huyện
6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng 2.000744.000.00.00. H08	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của	Cấp xã, cấp huyện

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ.	
7	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp 1.001739.000.00.00. H08	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	Cấp xã, cấp huyện
8	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế 1.000684.000.00.00. H08	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Toàn trình	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ.	
9	Giải thẻ cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế 2.000298.000.00.00. H08	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Toàn trình	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế 2.000294.000.00.00. H08	15 Ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ.	
11	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế 1.000669.000.00.00. H08	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Toàn trình	- Tên TTHC - Trình tự thực hiện - Mức độ DVC trực tuyến - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ. - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
12	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân 2.001661.000.00.00. H08	11 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	- Trình tự thực hiện - Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của	Cấp xã, cấp huyện

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
	Tổng cộng: 12 TTHC								

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC			
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.				

STT	Tên TTHC	Mức độ DVC trực tuyến	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	Mã số TTHC			
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
2	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội 2.000291.000.00.00.H08	Một phần	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quyết định số 4729/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019
Tổng cộng: 01 TTHC				

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (04 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 03 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế									
1	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật 1.001699.000.00.00. H08	23 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật 1.001653.000.00.00.	04 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	H08							tháng 4 năm 2012 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 4476/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	
3	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa	Có	Toàn trình	- Căn cứ pháp lý	Không	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
	giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn 2.000355.000.00.00. H08		cấp xã			- Cơ quan thực hiện		2017 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	
4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở 2.000751.000.00.00. H08	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Toàn trình	- Căn cứ pháp lý - Cơ quan thực hiện	Không	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ. - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.	-
	Tổng cộng: 04 TTHC								